TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11/3/2022
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:06/2022 ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Thạnh P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

2/. *Bị đơn*: Anh Võ Thành Q, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà .., ấp Đông P, xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Chị Dương Thị H và anh Võ Thành Q chung sống với nhau vào ngày 12/12/ 2008, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 25/6/2010, số 101/2010, quyển số I. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải.

Nay, chị H xét thấy tình cảm chung của vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009 hiện nay con đang ở với chị H.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Dương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành Q.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ cho anh Võ Thành Q tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Q đều không có mặt và không có lời trình bày.

Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 10/12/2021 của cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009 thì cháu N có nguyện vọng ở với mẹ Dương Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Võ Thành Q đang cư trú tại số ..., ấp Đông P, xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Võ Thành Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng

vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Thành Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Võ Thành Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 25/6/2010, số 101/2010, quyển số I là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.1] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Dương Thị H Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh Q chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, mặc dù anh chị đã cố gắng nếu kéo tình cảm nhưng không mang lại kết quả, chị H và anh Q đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân điều này chứng tỏa tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...."*.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh Võ Thành Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai nhưng anh Võ Thành Q điều vắng mặt không có lý do. Đều này chứng tỏa anh Võ Thành Q bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H nữa.

Tại phiên Tòa, Tòa án động viên chị H quay về đoàn tụ với anh Q để tiếp tục cuộc sống vợ chồng và nuôi dạy con chung, nhưng chị H cương quyết ly hôn với anh Võ Thành Q.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009 hiện nay cháu Kim N đang ở với chị Hạnh, chị H yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị H Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian cháu Kim N chung sống với chị H, chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Kim N đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Ngoài ra chị H cũng có thu nhập ổn định

một tháng trên 9.000.000 triệu đồng từ nghề làm công nhân. Theo nguyện vọng của cháu Kim N thì cháu có nguyện vọng ở với chị H.

Theo khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Từ những Điều luật quy định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Dương Thị H. Tiếp tục giao cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009 cho chị Dương Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Thành Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H.

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H ly hôn với anh Võ Thành Q.

3.Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 23/4/2009 cho chị Dương Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Thành Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4.Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004613 ngày 03/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị Dương Thị H đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Thành Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ